

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 220/2020/DS - PT

Ngày: 22 – 12 - 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi Kbuôr

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hằng

Ông Trần Anh Tuấn

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DSST ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2020/QĐ-PT ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị V, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/11/2020).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh L trình bày:*

Ngày 10/3/2018 dương lịch (nhằm ngày 23/01 âm lịch), bà Lưu Thị V cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền gốc 70.000.000 đồng với lãi suất là 20%/12 tháng, hẹn đến ngày 10/3/2019 sẽ trả. Giấy vay tiền do bị đơn viết và ký xác nhận. Bà V không giữ tài sản, giấy tờ gì của bà H để làm tin, không có người làm chứng. Quá thời hạn trả nợ, bà V nhiều lần yêu cầu nhưng bà H không trả. Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền gốc 70.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 10/3/2018 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 2013 (không nhớ rõ thời gian cụ thể) bà V có đến nhà bà H nhiều lần đề mời bà H mua bảo hiểm Manulife (do bà V là nhân viên bán bảo hiểm), ban đầu bà H không có ý định mua vì không có tiền nhưng bà V nói nếu không có tiền sẽ cho mượn để đóng phí bảo hiểm nên bà H mượn tiền của bà V mua 02 hợp đồng bảo hiểm, một Hợp đồng mang tên bà Nguyễn Thị H trị giá 18.000.000 đồng và một Hợp đồng mang tên con trai là Nguyễn Xuân T trị giá 12.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng và bà V đã đóng cho bà H 03 lần phí nữa tổng cộng là 40.000.000 đồng. Đến ngày 23/01/2018 (âm lịch) bà H nói tính thêm tiền lãi, vì là bạn bè với nhau nên bà H tin tưởng và tính cho bà V thêm 30.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất là 30%/tháng), tổng cộng gốc và lãi là 70.000.000 đồng và yêu cầu bà H viết giấy vay số tiền nêu trên hẹn 01 năm sau, tức đến ngày 10/3/2019 sẽ trả với lãi suất là 20%/tháng. Số tiền 70.000.000 đồng mà bà H viết và ký giấy vay của bà V thực tế bà V không đưa cho bà H vay số tiền này mà là tiền bà H mượn để mua bảo hiểm.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà H trả 70.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 10/3/2018 đến khi Tòa án giải quyết vụ án thì bà H không đồng ý, bà H chỉ chấp nhận trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và trả dần hàng tháng, còn lãi suất do hoàn cảnh khó khăn nên bà H xin không tính.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk quyết định:**

- Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lưu Thị V.

- Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị V số tiền tính đến ngày 25/9/2020 gồm: tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi 48.459.000 đồng, tổng cộng là 118.459.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị H làm đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm về số tiền gốc và lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2020/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H cho rằng số tiền 70.000.000 đồng mà bà V khởi kiện không phải là tiền vay mà là tiền bà H mượn của bà Lưu Thị V để mua hai hợp đồng bảo hiểm (trong đó 40.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi). Xét giấy vay tiền ghi ngày 23/01/2018 âm lịch (ngày 10/3/2018 dương lịch), bà H xác nhận bà là người trực tiếp viết và ký tên trong giấy vay tiền, đồng thời trong giấy vay tiền này thể hiện nội dung bà H có vay tiền của bà V 70.000.000 đồng và không thể hiện trong đó có tiền lãi hay tiền đóng bảo hiểm. Như vậy, việc bà H cho rằng trong số tiền này có 30.000.000 đồng tiền lãi và là số tiền để đóng bảo hiểm là không có căn cứ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án bà Lưu Thị V không thừa nhận và đồng thời bà H cũng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh.

Đối với số tiền lãi do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà V yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc và Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm buộc bà H phải trả cho bà V tổng số tiền lãi tính đến ngày 25/9/2020 là 48.459.000 đồng là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2020/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

2. **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị V.

- Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị V số tiền tính đến ngày 25/9/2020 gồm: tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi 48.459.000 đồng, tổng cộng là 118.459.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.923.000 đồng (*Năm triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lưu Thị V được trả lại 1.750.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0010962 ngày 07/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011043 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- .....
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Y Phi Kbuôr**